

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	<p>Chủ đầu tư là: Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh Địa chỉ: Xã Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi Mã số thuế: 4300350203 Điện thoại: 0553.868.670 Fax: 0553.868.671. Số tài khoản: 110616775555 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội (Vietinbank - CN Tây Hà Nội). Email:</p>
E-ĐKC 1.7	<p>Công trình bao gồm: Sửa chữa mặt đường dạng H1; Sửa chữa mặt đường dạng H2; Sửa chữa nền mặt đường dạng H3; Gia cố rãnh dọc KT(0.4+1.2)x0.4m; Nạo vét rãnh dọc, cống, gạt lè trên tuyến; Hệ thống an toàn giao thông; Gia cố taluy âm đoạn Km2+400m; Taluy âm đoạn Km3+460m.</p>
E-ĐKC 1.10	<p>Địa điểm Công trường tại Xã Mãng Bút, tỉnh Quảng Ngãi. <i>(Trước đây là Xã Đăk Ring, Xã Đăk Nén, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum)</i></p>
E-ĐKC 1.16	<p>Ngày hoàn thành là: 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực</p>
E-ĐKC 1.17	<p>Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;</p>
E-ĐKC 1.18	<p>Ngày khởi công là: Theo lệnh khởi công của chủ đầu tư;</p>
E-ĐKC 1.19	<p>Nhà thầu là: Địa chỉ: Số điện thoại: Fax: Số tài khoản:.....tại Mã số thuế:..... Email:</p>
E-ĐKC 1.29	<p>* Tư vấn quản lý dự án: Không áp dụng * Tư vấn giám sát: Sẽ thông báo sau</p>
E-ĐKC 2.1	<p>Hoàn thành từng phần: Không áp dụng</p>
E-ĐKC 2.3(i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật; - Biên bản thương thảo hợp đồng; Biên bản hoàn thiện hợp đồng và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng; - Các tài liệu khác có liên quan.</p>
E-ĐKC 5.2	<p>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang mang tên Nhà thầu được phát hành bởi một Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, theo mẫu trong Hồ sơ mời thầu và được Chủ đầu tư chấp thuận. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng từ 5% giá trị hợp đồng. Trường hợp, Chủ đầu tư nhận thấy tiến độ theo đề xuất của nhà thầu</p>

	<p>trong E-HSDT không hợp lý, phù hợp thì Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu tăng giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng đến mức tối đa là 30% giá hợp đồng.</p> <p>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</p>
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Sau khi nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc đã chuyển sang nghĩa vụ bảo hành và Chủ đầu tư đã nhận được bảo đảm bảo hành.</p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của nhà thầu khi nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng.</p> <p>Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực và các trường hợp vi phạm được quy định trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 07 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường.
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 14 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà thầu vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: --- <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i>
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng.
E-ĐKC 11.4	<p>Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ:</p> <p>(i) Nhà thầu phụ phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về năng lực hành nghề, năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật. Nhà thầu phụ có tất cả các quyền và nghĩa vụ của bên nhận thầu theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng và các quy định của Pháp luật có liên quan.</p> <p>(ii) Khi sử dụng nhà thầu phụ để thi công công trình, Nhà thầu phải</p>

	<p>thực hiện theo các quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với các nhà thầu phụ khác chưa được đề cập HSDT: Nhà thầu phải đệ trình các tài liệu chi tiết liên quan đến năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ tương ứng với nội dung, công việc cụ thể dự kiến nhà thầu phụ sẽ thực hiện để Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận. + Nhà thầu không được giao lại toàn bộ công việc theo Hợp đồng cho Nhà thầu phụ thực hiện. + Tại nơi có thể thực hiện được, Nhà thầu cần tạo cơ hội công bằng và hợp lý cho các nhà thầu địa phương được chỉ định làm Nhà thầu phụ. <p>(iii) Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định (nếu có)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định là một nhà thầu được Chủ đầu tư chỉ định cho Nhà thầu thuê làm Nhà thầu phụ để thực hiện một số phần việc chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc khi Nhà thầu không đáp ứng được tiến độ thực hiện hợp đồng sau khi Chủ đầu tư đã yêu cầu. - Nhà thầu có quyền từ chối nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định nếu công việc Nhà thầu đang thực hiện vẫn tuân thủ đúng các thỏa thuận trong Hợp đồng hoặc có đầy đủ cơ sở cho rằng nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định không đáp ứng được các yêu cầu theo Hợp đồng. <p>iv) Chủ đầu tư có quyền thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất của Nhà thầu hoặc trong các trường hợp Nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chỉ định thực hiện các công việc trong hợp đồng mà Nhà thầu không thực hiện theo yêu cầu của Chủ đầu tư nhằm hoàn thành công trình theo tiến độ của hợp đồng.</p> <p>v) Cung cấp vật tư, thiết bị</p> <p>Nhà thầu phải đệ trình để có sự phê duyệt trước đối với các Nhà cung cấp cũng như các vật tư, thiết bị chủ yếu, quan trọng được sử dụng, lắp đặt cho công trình theo yêu cầu của hợp đồng. Tài liệu đệ trình bao gồm các tài liệu có liên quan đến các yếu tố kỹ thuật, sự phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền, các công trình tương tự áp dụng ... để chứng minh sự đáp ứng đầy đủ và thỏa mãn các yêu cầu.</p>
E-ĐKC 19.1	<p>Yêu cầu về bảo hiểm:</p> <p>Trước khi khởi công công trình Nhà thầu phải:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Mua bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng với số tiền bảo hiểm không được thấp hơn giá trị hợp đồng. Thời hạn bảo hiểm kể từ ngày khởi công công trình) cho đến khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng cộng thêm thời gian bảo hành công trình, tổng cộng là 36 tháng. (ii) Mua bảo hiểm cho người lao động thi công trên công trường và bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba. Thời hạn bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba bắt đầu kể từ ngày thực hiện công việc thi công trên công trường đến hết thời gian bảo hành công trình theo quy định pháp luật. Việc xác định thời hạn bảo hiểm cụ thể đối với người lao động căn cứ vào hợp đồng lao động. <p>- Số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với thiệt hại về sức khỏe, tính mạng là</p>

	<p>một trăm (100) triệu đồng cho một người trong một vụ và không giới hạn số vụ tổn thất;</p> <p>- Số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với thiệt hại về tài sản và chi phí pháp lý có liên quan là 100 (một trăm) tỷ đồng cho cả thời hạn bảo hiểm và không giới hạn số vụ tổn thất.</p> <p>(iii) Mua bảo hiểm đối với các bảo hiểm cần thiết khác như: bảo hiểm cho vật tư, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với các công trình tạm,... trong quá trình thi công công trình. Phạm vi bảo hiểm từ sau ngày khởi công đến ngày nghiệm thu công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng.</p>
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình: 24 tháng
E-ĐKC 21	<p>Thông tin về Công trường là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên gói thầu: Gói thầu ĐT10–2025: Thi công sửa chữa công trình đường tránh ngập lòng hồ nhánh 1 thủy điện Đakđrinh - Tên dự án/dự toán mua sắm: Sửa chữa đường tránh ngập lòng hồ nhánh 1 thủy điện Đakđrinh. - Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh - Tư vấn giám sát (TVGS): Chủ đầu tư sẽ thông báo sau. - Tư vấn thiết kế: Công ty TNHH tư vấn thiết kế Thiên Ý - Nội dung gói thầu: Sửa chữa mặt đường dạng H1; Sửa chữa mặt đường dạng H2; Sửa chữa nền mặt đường dạng H3; Gia cố rãnh dọc KT(0.4+1.2)x0.4m; Nạo vét rãnh dọc, cống, gạt lè trên tuyến; Hệ thống an toàn giao thông; Gia cố taluy âm đoạn Km2+400m; Taluy âm đoạn Km3+460m. - Địa điểm xây dựng: Xã Măng Bút, tỉnh Quảng Ngãi. <i>(Trước đây là Xã Đăk Ring, Xã Đăk Nén, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum)</i> - Nguồn vốn thực hiện: Tạm lấy từ nguồn vốn SXKD năm 2025 & 2026 của Công ty cổ phần thủy điện Đakđrinh. - Loại, cấp công trình: Công trình giao thông; Cấp IV - Mục tiêu đầu tư: Sửa chữa đường tránh ngập lòng hồ nhánh 1 thủy điện Đăk đrinh để bàn giao cho địa phương quản lý. <p>(ii) Nhà thầu được coi là đã kiểm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nêu trên, và đã được thoả mãn trước khi nộp HSDT, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Địa hình của công trường, bao gồm cả các điều kiện địa chất công trình; các công trình hiện hữu; b) Điều kiện địa chất, thủy văn và khí hậu; <p>Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót.</p> <ol style="list-style-type: none"> d) Các quy định của pháp luật về lao động; e) Các yêu cầu của Nhà thầu về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác. <p>(iii) Nhà thầu được coi là đã thoả mãn về tính đúng và đủ của điều kiện công trường để xác định giá hợp đồng.</p> <p>(iv) Nếu Nhà thầu gặp phải các điều kiện địa chất bất lợi mà Nhà</p>

	<p>thầu cho là không lường trước được, thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết một cách sớm nhất có thể. Thông báo này sẽ mô tả các điều kiện địa chất sao cho Chủ đầu tư có thể kiểm tra được và phải nêu lý do tại sao Nhà thầu coi các điều kiện địa chất đó là không lường trước được. Nhà thầu phải tiếp tục thi công xây dựng công trình, sử dụng các biện pháp thoả đáng và hợp lý và thích ứng với điều kiện địa chất đó, và phải tuân theo bất kỳ chỉ dẫn nào mà Chủ đầu tư có thể đưa ra. Nếu một chỉ dẫn tạo ra sự thay đổi, thì áp dụng theo Điều khoản Rủi ro và bất khả kháng của Hợp đồng.</p> <p>(v) Nhà thầu cần khảo sát, xác định các công trình ngầm trong phạm vi công trường trước khi thi công, thông báo ngay cho đại diện các cơ quan liên quan và Chủ đầu tư khi thi công phát hiện các công trình ngầm, cáp thông tin,.. để có biện pháp xử lý đảm bảo an toàn các công trình này trong quá trình thi công.</p> <p>(vi) Điện, nước trên công trường:</p> <p>Trừ trường hợp quy định ở dưới đây, Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Bên nhận thầu cần.</p> <p>Bên nhận thầu có quyền sử dụng việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường cho mục đích thi công công trình mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Bên giao thầu; Bên nhận thầu có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi công công trình. Bên nhận thầu phải tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ.</p> <p>Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ trên Bên nhận thầu phải thanh toán theo quy định của Hợp đồng.</p>
<p>E-ĐKC 24</p>	<p>Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Ngày ký hợp đồng tại Xã Măng Bút, tỉnh Quảng Ngãi. <i>(Trước đây là Xã Đăk Ring, Xã Đăk Nên, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum).</i></p> <p>Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Nhà thầu có và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Nhà thầu và nhân lực của Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.</p> <p>Sau khi biên bản nghiệm thu công trình đã được cấp, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị của Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác rưởi và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng. Nếu tất cả những vật tư</p>

	<p>thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong vòng 28 ngày sau khi Chủ đầu tư cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Chủ đầu tư có thể bán hoặc thải bỏ vật tư thiết bị, số tiền thu được từ việc bán vật tư thiết bị sẽ trả cho Nhà thầu sau khi đã thanh toán các chi phí phát sinh cho Chủ đầu tư.</p> <p>Nhà thầu không được cản trở một cách không cần thiết hoặc không phù hợp với:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sự thuận tiện của công chúng; hoặc việc tiếp cận sử dụng và chiếm lĩnh tất cả đường sá, lối đi, bất kể thuộc loại công cộng hoặc thuộc sở hữu của chủ đầu tư hoặc người khác. + Nhà thầu phải bồi thường và đảm bảo cho chủ đầu tư không bị mọi thiệt hại gây ra do tất cả các hư hỏng, tổn thất và chi phí (bao gồm các lệ phí và chi phí pháp lý) do bất kỳ sự can thiệp không cần thiết và không phù hợp nào gây ra.
<p>E-DKC 27.2</p>	<p>- Thời gian để tiến hành hòa giải: 56 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp.</p> <p>(i) Khiếu nại về gia hạn thời gian hoàn thành</p> <p>Trong trường hợp Nhà thầu nhận thấy, theo điều khoản Gia hạn Thời gian hoàn thành, có quyền yêu cầu đối với bất kỳ sự kéo dài tiến độ thi công nào thì, trong vòng 28 ngày kể từ ngày Nhà thầu nhận thấy hoặc lẽ ra đã phải nhận thấy được sự việc, nguyên nhân gây nên chậm trễ, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư bằng văn bản mô tả sự việc hay nguyên nhân dẫn tới việc phát sinh khiếu nại về thời gian. Nếu Nhà thầu không thông báo về khiếu nại trong vòng 28 ngày nói trên thì Nhà thầu sẽ không được quyền gia hạn thời gian hoàn thành và Chủ đầu tư không phải chịu mọi trách nhiệm về vấn đề khiếu nại này. Nhà thầu cũng phải trình, cùng với khiếu nại về gia hạn thời gian hoàn thành, các tài liệu chi tiết hỗ trợ đầy đủ cho việc xem xét, đánh giá khiếu nại. Nhà thầu phải giữ các tài liệu, hồ sơ và ghi chép cần thiết để chứng minh cho các khiếu nại.</p> <p>Trong thời gian 42 ngày kể từ ngày Nhà thầu nhận thấy hoặc lẽ ra đã phải thấy được sự việc, nguyên nhân gây nên chậm trễ, Nhà thầu phải gửi cho Chủ đầu tư một bản tính toán chi tiết cùng với các bằng chứng cụ thể nêu rõ số ngày đề nghị được gia hạn thời gian. Nếu Nhà thầu không thực hiện việc tính toán chi tiết này thì Nhà thầu sẽ không được quyền gia hạn thời gian hoàn thành và Chủ đầu tư không phải chịu mọi trách nhiệm về vấn đề khiếu nại này.</p> <p>(ii) Ngoài việc quy định cụ thể khiếu nại về gia hạn thời gian hoàn thành nêu trên, việc thực hiện hiện các khiếu nại khác tuân theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p>(iii) Xử lý các tranh chấp</p> <p>Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải. Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 56 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của</p>

	<p>Việt Nam (hoặc Toà án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài (hoặc Toà án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.</p> <p>(iv) Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.</p>
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày khởi công: Quý I năm 2026. - Điều kiện khởi công, Nhà thầu được tổ chức khởi công khi: <ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh thực hiện hợp đồng; 2. Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh tiền tạm ứng; 3. Chủ đầu tư đã chuyển đủ tiền tạm ứng theo quy định của hợp đồng; 3. Chủ đầu tư xác nhận bằng văn bản nhà thầu đã huy động đầy đủ máy móc, thiết bị, nhân lực thi công (kèm biên bản kiểm tra hiện trường) - Ngày hoàn thành dự kiến: <i>180 ngày kể từ ngày khởi công.</i>
E-ĐKC 29.1	<p>Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 14 ngày từ ngày ký Hợp đồng.</p> <p>Nhà thầu phải thực hiện theo tiến độ thi công và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Nếu bản tiến độ thi công này không phù hợp với Hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu trong vòng 14 ngày sau khi nhận được bản tiến độ thi công của Nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được phép dựa vào bản tiến độ thi công này để yêu cầu Nhà thầu thực hiện theo tiến độ của Hợp đồng. Nhà thầu được phép điều chỉnh tiến độ chi tiết theo tuần, tháng nhưng phải phù hợp với tiến độ tổng thể của Hợp đồng.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư về các tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu hoặc làm chậm việc thi công công trình hay làm tăng giá hợp đồng. Trong trường hợp đó, Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu vẫn có thể yêu cầu Nhà thầu báo cáo về những ảnh hưởng của các tình huống trong tương lai và đề xuất theo các quy định về Gia hạn thời gian hoàn thành của hợp đồng. Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư một bản tiến độ thi công sửa đổi phù hợp với khoản này.</p> <p>Trường hợp quá thời hạn mà Nhà thầu vẫn chưa đệ trình Tiến độ thi công chi tiết cho Chủ đầu tư theo quy định của hợp đồng, Chủ đầu tư hoặc Tư vấn giám sát sẽ thông báo, nhắc nhở Nhà thầu thực hiện theo đúng quy định của Hợp đồng. Sau thời hạn 14 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư hoặc Tư vấn giám sát thông báo lập tiến độ nêu trên, nếu Nhà thầu vẫn chưa đệ trình Tiến độ thi công chi tiết hoặc đệ trình tiến độ không phù hợp với tiến độ theo hợp đồng, hoặc không theo hồ sơ đề xuất của Nhà thầu đã được chấp thuận thì Chủ đầu tư có quyền phát hành Tiến độ yêu cầu thi công chi tiết đối với gói thầu phù hợp với yêu cầu của hợp đồng và HSMT, làm cơ sở để các bên xem xét, chỉ đạo và đánh giá tiến độ thi công của Nhà thầu theo Hợp đồng.</p>

E-ĐKC 29.4	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 14 ngày. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 1,0% giá trị thanh toán khối lượng hợp đồng đến hạn.
E-ĐKC 30.7	<p>Các trường hợp khác:</p> <p>a) Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.</p> <p>b) Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng như: ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác theo quy định của hợp đồng;</p> <p>c) Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường Chủ đầu tư, nhân lực của Chủ đầu tư hay các nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra. - Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư gây ra. <p>d) Điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng</p> <p>Trong trường hợp Nhà thầu nhận thấy, theo điều khoản về Gia hạn Thời gian hoàn thành của hợp đồng, có quyền yêu cầu đối với bất kỳ sự kéo dài tiến độ thi công nào thì, trong vòng 28 ngày kể từ ngày Nhà thầu nhận thấy hoặc lẽ ra đã phải nhận thấy được sự việc, nguyên nhân gây nên chậm trễ, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư bằng văn bản mô tả sự việc hay nguyên nhân dẫn tới việc phát sinh khiếu nại về thời gian.</p> <p>Nếu Nhà thầu không thông báo về khiếu nại trong vòng 28 ngày nói trên thì Nhà thầu sẽ không được quyền gia hạn thời gian hoàn thành và Chủ đầu tư không phải chịu mọi trách nhiệm về vấn đề khiếu nại này. Nhà thầu cũng phải trình, cùng với khiếu nại về gia hạn thời gian hoàn thành, các tài liệu chi tiết hỗ trợ đầy đủ cho việc xem xét, đánh giá khiếu nại. Nhà thầu phải giữ các tài liệu, hồ sơ và ghi chép cần thiết để chứng minh cho các khiếu nại.</p> <p>Trong thời gian 42 ngày kể từ ngày Nhà thầu nhận thấy hoặc lẽ ra đã phải thấy được sự việc, nguyên nhân gây nên chậm trễ, Nhà thầu phải gửi cho Chủ đầu tư một bản tính toán chi tiết cùng với các bằng chứng cụ thể nêu rõ số ngày đề nghị được gia hạn thời gian. Nếu Nhà thầu không thực hiện việc tính toán chi tiết này thì Nhà thầu sẽ không được quyền gia hạn thời gian hoàn thành và Chủ đầu tư không phải chịu mọi trách nhiệm về vấn đề khiếu nại này.</p>
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị:</p> <p>Tất cả các vật tư, máy móc, thiết bị phải được thí nghiệm/kiểm định theo yêu cầu của Chỉ dẫn kỹ thuật, các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.</p> <p>Bất kỳ vật tư, máy móc, thiết bị nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư</p>

	<p>có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng vật tư, máy móc, thiết bị khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng yêu cầu về đặc tính kỹ thuật.</p> <p>Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các vật tư, máy móc, thiết bị không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu.</p>
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: <i>Theo đơn giá cố định</i>
E-ĐKC 41.1	<p>41.1.1. Giá hợp đồng: <i>Theo đơn giá cố định</i></p> <p>41.1.2. Điều chỉnh khối lượng:</p> <p>Những khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của Nhà thầu gây ra thì không được phép điều chỉnh;</p> <p>Đối với những khối lượng công việc trong bảng giá hợp đồng mà thực tế thực hiện chênh lệch quá 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng, đồng thời làm thay đổi trên 0,25% giá trị hợp đồng và trên 1% đơn giá của công việc đó thì việc xác định đơn giá điều chỉnh theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các đơn giá, quy định của hợp đồng và phù hợp với tuyên bố giảm giá trong E-HSĐT của Nhà thầu. Trường hợp khối lượng công việc thực tế thực hiện tăng lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng, đơn giá mới chỉ được áp dụng cho phần khối lượng thực tế thực hiện vượt quá 120% khối lượng ghi trong hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực tế thực hiện giảm lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng, đơn giá mới được áp dụng cho toàn bộ khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu.</p> <p>- Những khối lượng phát sinh ngoài điều kiện quy định điều chỉnh ban đầu của hợp đồng hoặc trường hợp cần phải có sự tham gia của cả hai bên trong hợp đồng để ngăn ngừa, khắc phục các rủi ro thuộc trách nhiệm một bên thì hai bên cùng bàn bạc thống nhất biện pháp xử lý.</p> <p>41.1.3. Điều chỉnh tiến độ:</p> <p>Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <p>Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra.</p>
E-ĐKC 42.1	<ul style="list-style-type: none"> - Tạm ứng: Số tiền tạm ứng là 15% giá trị hợp đồng và theo kế hoạch vốn được bố trí hàng năm - Thời gian tạm ứng: Việc thanh toán tiền tạm ứng nêu trên sẽ được thực hiện trong vòng 28 ngày kể từ khi Chủ đầu tư nhận đủ:

	<p>(i) Bảo đảm thực hiện hợp đồng quy định tại Mục 5 ĐKC và</p> <p>(ii) Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương khoản tiền Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu. Hình thức bảo lãnh tiền tạm ứng là một thư bảo lãnh của một ngân hàng được Chủ đầu tư chấp nhận, phát hành theo mẫu trong E-HSMT.</p> <p>* Bảo lãnh tiền tạm ứng là bảo lãnh thanh toán vô điều kiện và không hủy ngang mang tên Nhà thầu, được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng.</p>
<p>E-ĐKC 44.1</p>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thanh toán theo khối lượng hoàn thành được nghiệm thu. Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành được nghiệm thu và đơn giá hợp đồng. Việc thanh toán các khối lượng phát sinh (nếu có) phải được phê duyệt theo quy định làm cơ sở thanh toán. - Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu theo giá trị của từng lần thanh toán sau khi đã giảm trừ tiền tạm ứng, tiền bảo hành công trình và các khoản tiền giữ lại (nếu có) theo quy định của hợp đồng nhưng không vượt kế hoạch vốn được bố trí cho gói thầu trong năm kế hoạch. <p>Việc thanh toán phải căn cứ vào giá hợp đồng và các điều khoản thanh toán nêu trong hợp đồng đảm bảo không được vượt giá hợp đồng, dự toán gói thầu được duyệt hoặc điều chỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần thành toán: Tối đa không quá 05 lần cho mỗi nhà thầu. a) Thời hạn thanh toán: Nhà thầu có trách nhiệm tính toán, tập hợp các tài liệu có liên quan đối với các khối lượng đã được nghiệm thu trình TVGS kiểm tra và xác nhận đủ điều kiện thanh toán để gửi Chủ đầu tư làm thủ tục thanh toán theo quy định. Sau khi nhận được hồ sơ thanh toán đã được TVGS kiểm tra và xác nhận, Chủ đầu tư sẽ ký hồ sơ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu theo quy định. b) Thanh toán tiền bảo hành công trình: Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ các khoản tiền bảo hành cho Nhà thầu khi các bên đã đủ căn cứ để xác định giá trị của các lần thanh toán và khi Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định hoặc Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư Bảo lãnh bảo hành với giá trị tương đương khoản tiền Bảo hành. Hình thức bảo lãnh bảo hành là một thư bảo lãnh của một ngân hàng được Chủ đầu tư chấp nhận. c) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản. <p>Nhằm mục đích kiểm soát vốn của Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu được sử dụng đúng mục đích thực hiện gói thầu, Chủ đầu tư có quyền kiểm tra và kiểm soát tài khoản thanh toán của Nhà thầu bằng cách kiểm soát các khoản thanh toán từ Nhà thầu đối với các chi phí đúng đối tượng và đúng mục tiêu cho thực hiện gói thầu.</p> d) Hồ sơ thanh toán:

	<p>Nhà thầu sẽ phải trình 10 bộ hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành được nghiệm thu cho mỗi lần đề nghị thanh toán. Hồ sơ thanh toán do Nhà thầu lập bao gồm 06 bộ gốc các tài liệu chủ yếu (tài liệu hỗ trợ) theo các quy định hiện hành của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng về thanh toán vốn đầu tư hoặc các quy định khác thay thế (nếu có).</p> <p>Bản gốc cho các tài liệu về đảm bảo chất lượng, các kết quả thí nghiệm và chứng chỉ của nguyên vật liệu sẽ phải được đính kèm theo các hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành nộp cho Chủ đầu tư.</p> <p>Hồ sơ thanh toán bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế (tăng hoặc giảm so với khối lượng theo hợp đồng) trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn và đại diện bên nhận thầu; - Bảng tính giá trị cho những công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn và đại diện bên nhận thầu; - Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, các khoản tiền giữ lại, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu. <p>Ngoài ra, Nhà thầu cần phải chuẩn bị các mẫu biểu và tài liệu khác theo quy định của Bộ Xây dựng và Bộ Tài chính tại mỗi thời điểm thanh toán hương thức thanh toán.</p>
E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép;</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 46.1	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán gồm tiền bảo hành công trình 5%; các khoản tiền giữ lại đảm bảo thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của Nhà thầu theo quy định của hợp đồng; và các khoản thỏa thuận khác có giá trị tối đa là 10%.</p>
E-ĐKC 47.1(d)	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng:</p> <p>1. Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng:</p> <p>a) Điều chỉnh giá hợp đồng:</p> <p>Hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 143 Luật Xây dựng. Trường hợp khi Nhà nước thay đổi chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng, thì việc điều chỉnh hợp đồng chỉ được áp dụng cho phần công việc bị ảnh hưởng của sự thay đổi chính sách đó và việc điều chỉnh thực hiện theo quy định của cơ quan ban hành, hướng dẫn thực hiện chính sách.</p>

	<p>b) Điều chỉnh khối lượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của Nhà thầu gây ra thì không được phép điều chỉnh; - Đối với những khối lượng công việc trong bảng giá hợp đồng mà thực tế thực hiện chênh lệch quá 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng, đồng thời làm thay đổi trên 0,25% giá trị hợp đồng và trên 1% đơn giá của công việc đó thì việc xác định đơn giá điều chỉnh theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các đơn giá, quy định của hợp đồng và phù hợp với tuyên bố giảm giá trong HSDT của Nhà thầu. Trường hợp khối lượng công việc thực tế thực hiện tăng lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng, đơn giá mới chỉ được áp dụng cho phần khối lượng thực tế thực hiện vượt quá 120% khối lượng ghi trong hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực tế thực hiện giảm lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng, đơn giá mới được áp dụng cho toàn bộ khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu. - Những khối lượng phát sinh ngoài điều kiện quy định điều chỉnh ban đầu của hợp đồng hoặc trường hợp cần phải có sự tham gia của cả hai bên trong hợp đồng để ngăn ngừa, khắc phục các rủi ro thuộc trách nhiệm một bên thì hai bên cùng bàn bạc thống nhất biện pháp xử lý. <p>2. Điều chỉnh tiến độ: Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; b) Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; <p>Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra.</p>
E-ĐKC 47.7	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu: 30% giá trị giảm giá hợp đồng</p>
E-ĐKC 49.1	<p>a) Mức phạt chậm tiến độ hoàn thành:</p> <p>Nhà thầu bị phạt 0,2% giá trị phần Hợp đồng vi phạm cho mỗi ngày chậm so với yêu cầu hoàn thành công trình dự kiến hoặc yêu cầu hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá tổng 12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm.</p> <p>Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt tiến độ từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu. Ngoài mức phạt này thì nhà thầu còn phải bồi thường cho Chủ đầu tư, bên thứ ba (nếu có) theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trường hợp Nhà thầu chậm hoàn thành công trình vượt quá 60 ngày so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được điều chỉnh gia hạn thì Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng và</p>

xác định giá trị chi phí thiệt hại về kinh tế - xã hội do việc chậm đưa công trình vào khai thác do lỗi của Nhà thầu và yêu cầu Nhà thầu bồi thường theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Trách nhiệm của Nhà thầu khi vi phạm tiến độ:

Ngoài các quy định nêu trên, trường hợp Nhà thầu chậm hoàn thành công trình so với tiến độ hoàn thành theo hợp đồng thì Nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư các khoản chi phí bao gồm chi phí thuê Tư vấn giám sát thi công, chi phí bảo hiểm công trình, chi phí quản lý dự án của Chủ đầu

tư và các chi khác liên quan mà Chủ đầu tư phải chi trả do việc kéo dài thời gian hoàn thành của Nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ tính toán các khoản chi phí này theo hợp đồng tư vấn giám sát, hợp đồng bảo hiểm,...và có thể giảm trừ ngay trong các đợt thanh toán hoặc quyết toán công trình.

Vi phạm tiến độ bao gồm vi phạm tiến độ trong từng giai đoạn thực hiện Hợp đồng và vi phạm tiến độ kết thúc Hợp đồng do lỗi của Nhà thầu, kể cả vi phạm tiến độ đã được gia hạn (do phát sinh khối lượng và các nguyên nhân bất khả kháng).

Các giai đoạn thực hiện Hợp đồng được xác định trên cơ sở thực hiện hoàn thành các hạng mục chính đã được quy định trong các điều khoản của hợp đồng. Thời điểm kết thúc giai đoạn là mốc để xem xét đánh giá việc vi phạm tiến độ của Nhà thầu. Căn cứ kế hoạch thực hiện của dự án và yêu cầu của Hợp đồng, Chủ đầu tư xác định và công bố các vi phạm tại các thời điểm xem xét đánh giá tiến độ thực hiện nêu trên.

c) Tạm giữ thanh toán khối lượng hoàn thành do vi phạm tiến độ:

Nhà thầu không hoàn thành khối lượng công việc theo các yêu cầu về tiến độ chi tiết của Hợp đồng thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý tạm giữ tối đa 12% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu trong các đợt thanh toán tương ứng.

Trường hợp Nhà thầu có biện pháp đẩy nhanh tiến độ để bắt kịp tiến độ yêu cầu theo hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ hoàn trả tiền tạm giữ lại nêu trên trong các đợt thanh toán kế tiếp.

Trường hợp Nhà thầu tiếp tục vi phạm, không hoàn thành tiến độ theo yêu cầu của hợp đồng, ngoài việc bị xử lý điều chuyển khối lượng Hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ đánh giá về năng lực thực tế của Nhà thầu để xem xét việc điều chuyển khối lượng hoặc chấm dứt Hợp đồng.

d) Điều chuyển khối lượng hoặc chấm dứt Hợp đồng khi Nhà thầu vi phạm tiến độ:

- Xử lý điều chuyển khối lượng cho Nhà thầu thay thế:

Để đảm bảo tiến độ hoàn thành của hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền lựa chọn Nhà thầu thay thế có đủ năng lực thực hiện đối với khối lượng công việc cần điều chuyển ở mức không quá 50% khối lượng hợp đồng. Chủ đầu tư sẽ có văn bản thông báo cho nhà thầu để ký kết phụ lục điều chỉnh, bổ sung

	<p>Hợp đồng. Trong trường hợp nhà thầu từ chối ký kết phụ lục hợp đồng thì sẽ bị xem xét chấm dứt hợp đồng và tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p> <p>Đối với Nhà thầu liên danh: Nếu việc thi công của Liên danh Nhà thầu không đáp ứng được tiến độ thực hiện hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền điều chỉnh khối lượng thi công hoặc chỉ định các khối lượng thi công đối với bất kỳ một thành viên nào trong liên danh.</p> <p>- Xử lý chấm dứt Hợp đồng đối với Nhà thầu:</p> <p>Nhà thầu được xác định là vi phạm tiến độ từ 3 lần trở lên hoặc Nhà thầu yếu kém về năng lực, không đáp ứng yêu cầu thực hiện Hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ chấm dứt Hợp đồng và lựa chọn Nhà thầu thay thế đủ năng lực để giao thực hiện phần còn lại của Hợp đồng. Đơn giá giao cho Nhà thầu thay thế thực hiện theo đơn giá hiện hành của Nhà nước hoặc tiến hành thanh lý Hợp đồng và làm các thủ tục lựa chọn nhà thầu khác.</p> <p>Các thiệt hại về kinh tế trong trường hợp này, kể cả thiệt hại do việc thay đổi đơn giá giao cho Nhà thầu mới, do Nhà thầu bị chấm dứt Hợp đồng chịu.</p> <p>f) Biện pháp xử lý hành chính đối với Nhà thầu vi phạm tiến độ:</p> <p>Nhà thầu vi phạm tiến độ thực hiện Hợp đồng ngoài việc xử lý theo các biện pháp nêu trên, còn chịu các xử lý hành chính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư sẽ báo cáo người có thẩm quyền quyết định không cho Nhà thầu tham gia đấu thầu các dự án tiếp theo của địa phương tối thiểu từ 6 tháng trở lên tùy theo mức độ vi phạm. <p>Chủ đầu tư sẽ cho đăng tin trên trang Web và báo "Đấu thầu" của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với Nhà thầu vi phạm tiến độ bị chấm dứt Hợp đồng. Quyết định xử phạt nhà thầu sẽ có hiệu lực thi hành trên phạm vi cả nước và trong tất cả các ngành theo các quy định hiện hành của Pháp luật.</p>
E-ĐKC 49.2	<p>Bồi thường thiệt hại: Áp dụng</p> <p>- <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</i></p>
E-ĐKC 49.3	<p>Thưởng hợp đồng: Không áp dụng</p>
E. Kết thúc hợp đồng	
E-ĐKC 54	<p>Thời gian bàn giao công trình: <i>Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu công trình hoàn thành.</i></p>
E-ĐKC 55.1	<p>Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: <i>Trước khi nghiệm thu công trình hoàn thành.</i></p>
E-ĐKC 55.2	<p>Số tiền giữ lại:</p> <p>Nếu nhà thầu không nộp bản vẽ hoàn công, quyết toán và các tài liệu hướng dẫn vận hành (nếu có) vào ngày quy định nêu trên hoặc không được Chủ đầu tư chấp nhận, Chủ đầu tư sẽ giữ lại số tiền tối đa 5% giá hợp đồng từ khoản thanh toán đến hạn cho nhà thầu.</p>
E-ĐKC 56.1(a)	<p>Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 30 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.</p>

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mục này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [ghi tên chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu], Chủ đầu tư _____ [ghi tên Chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu] với giá hợp đồng là _____ [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là _____ [ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: _____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: _____ [ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...];

- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: _____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm⁽²⁾ _____ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Phần 3 của E-HSMT với số tiền _____ và thời gian hiệu lực _____ [ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điện thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ

(Hợp đồng điện tử)

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Gói thầu: _____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

Thuộc dự án: _____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ ____ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ ____ (Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

- Các căn cứ khác (nếu có). [Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____ [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____ [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax:

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [Chủ đầu tư kê khai]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax:

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng xây lắp với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng thiết kế.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung chi tiết và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
7. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu;
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực

hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Nhà thầu cam kết thi công công trình theo thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].

a) Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói:

b) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng.

c) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.

d) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo kết quả đầu ra:

2. Phương thức thanh toán: _____ [Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 44.1 E-ĐKCT].

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: _____ [Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 28 E-ĐKC, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[xác nhận, chữ ký số]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY
QUYỀN**

[xác nhận, chữ ký số]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong E-HSMT, E-HSDT và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc.

Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định và chi phí dự phòng.

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG
(áp dụng cho hợp đồng trọn gói)

STT	Mô tả công việc ⁽²⁾	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽³⁾
1	Hạng mục công việc 1		
2	Hạng mục công việc 2		
..			
Tổng cộng: _____ [Hệ thống tự tính]			

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NHÀ THẦU**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu]*

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(áp dụng cho hợp đồng theo đơn giá)

STT	Mô tả công việc	Yêu cầu kỹ thuật/ Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
<i>I</i>	<i>Hạng mục 1:</i>					
<i>1</i>						
<i>2</i>						
<i>3</i>						
<i>II</i>	<i>Hạng mục 2:</i>					
<i>1</i>						
<i>2</i>						
<i>3</i>						
<i>III</i>	<i>Hạng mục...</i>					
...					
Giá hợp đồng (Kết chuyển sang Điều 5 của Hợp đồng)						

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NHÀ THẦU**

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên Chủ đầu tư]
(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng xây lắp cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____.⁽³⁾

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, _____ *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ *[ghi tên của ngân hàng]* ở _____ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại _____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾]* (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 42.1 E-ĐKCT]*.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]***Ghi chú:**

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 42.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày quy định tại Mục 1.17 E-ĐKCT.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu,

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.